



LẠI (CON ĐƯỜNG NHẬN THỨC SỰ CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ LẠI)

NGUYỄN ĐỨC DÂN *

Tóm tắt: Từ 'lại' có rất nhiều nghĩa. Như một quyền từ điển rất có uy tín của Việt Nam miêu tả, từ 'lại' có 27 nghĩa (động từ: 12, phụ từ: 2 và 13 tổ hợp 'lại + X', 'X + lại'). Với nghĩa gốc của 'lại' và với giả thuyết về hiện tượng chuyển nghĩa, trong bài này chúng tôi chứng minh rằng tất cả những nghĩa của từ 'lại' cùng những kiến trúc ngữ pháp chứa từ này đều được phái sinh từ một nghĩa gốc của từ 'lại' liên quan đến từ 'đi'. Đó là trong quá trình nhận thức của người Việt, 'lại' và 'đi' chuyển động theo hai hướng ngược nhau. 'Đi' chuyển động dời khỏi gốc có mục đích là hướng thuận. 'Lại' chuyển động trở lại gốc là hướng ngược.

Từ khóa: LAI, từ đa nghĩa, nghĩa gốc, nghĩa chuyển, sự nhận thức, sự chuyển nghĩa.

Abstract: The word 'lại' has many meanings. According to a highly credible Vietnamese dictionary, the word 'lại' has 27 meanings (verb: 12, adjunct: 2, and 13 combinations of 'lại + X', 'X + lại'). Based on the core meaning of 'lại' and the meaning transformation hypothesis, the article proves that all meanings of 'lại' and grammatical constructions consisting this word are derived from a core meaning of the word 'lại' that is related to the word 'đi'. In the mindset of Vietnamese people, 'lại' and 'đi' move in two opposite directions. 'Đi' is to leave the original point with a forward direction. 'Lại' is to return to the original point in an opposite direction.

Keywords: LAI, polysemy, core meaning, transformation meaning, cognition, meaning transformation.

1. Mở đầu

ĐI, LAI được ghi nhận là những từ đa nghĩa. Trong *Từ điển tiếng Việt* [7], từ 'lại' được miêu tả là có 12 nghĩa động từ, 2 nghĩa phụ từ và có 13 nghĩa trong những tổ hợp 'lại + X', 'X + lại'. Cả chục nghĩa coi 'lại' là từ phụ đứng trước hoặc sau động từ và hàng loạt tổ hợp từ 'lại' mang tính thành ngữ. Vị chi 27 nghĩa. Từ 'đi' thuộc 3 loại từ khác nhau: động từ, phụ từ, trợ từ. Động từ đi có 18 nghĩa, trợ từ đi có 4 nghĩa và có hơn 40 tổ hợp 'đi + X'. Vị chi 62 nghĩa. Chúng có quá nhiều nghĩa! Những giáo trình và hầu hết các công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt cũng có những nhận định đại loại như vậy. Liệu có tìm được con đường chuyển nghĩa của từ **đi** và **lại** hay không? Tìm ra con đường chuyển nghĩa của một từ là tìm được quá trình phát triển nhận thức trong tư duy người

* GS.TS - Thành phố Hồ Chí Minh; Email: ngducdan36@gmail.com

Việt về một phương diện nào đó. Trong bài này chúng tôi dùng khái niệm không gian tâm trí [6] để chứng minh rằng tất cả những nghĩa của từ ‘*lại*’ này đều sinh ra từ **một nghĩa gốc** về chuyển động của ‘*lại*’ liên quan đến ‘*đi*’ trong quá trình nhận thức về từ **lại**. (Bài này không bàn tới danh từ *lại* đồng âm chỉ một viên chức sơ cấp trong bộ máy hành chính phong kiến xưa).

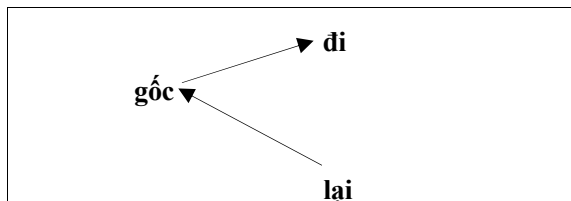
2. Nghĩa gốc của *đi* và *lại*

‘*Lại*’ là một trong vài từ cơ bản nói về sự chuyển động. Sự phát triển nghĩa của một số từ đa nghĩa trở sự chuyển động và quan hệ trong không gian có liên quan chặt chẽ tới nghĩa nhận thức về những từ này. Định nghĩa từ trong các từ điển giải thích, [7] chẳng hạn, là những định nghĩa miêu tả. *Đi* và *lại* được [7] miêu tả như sau:

Đi là ‘tự di chuyển bằng những động tác liên tiếp của chân, lúc nào cũng vừa có chân tựa trên mặt đất vừa có chân giơ lên đặt tới chỗ khác’.

Lại là ‘*đi* chuyển ngược chiều với sự *đi* chuyển vừa nói đến trước đó’.

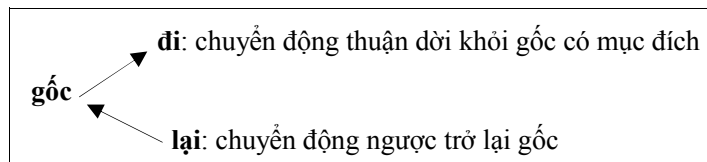
Nghĩa nhận thức của một từ là nghĩa căn bản mà người Việt nhìn ra và khái quát lên từ nghĩa miêu tả của nó. Khi khái quát nghĩa của một từ, người ta lược bỏ những chi tiết, chỉ giữ lại những nét nghĩa tối thiểu đặc trưng cho những gì cốt lõi khi nhận thức về từ đó. Với hai từ *ĐI* và *LẠI*, nghĩa gốc của chúng được người Việt nhận thức như Hình 1 dưới đây.



Hình 1. Nghĩa gốc của *ĐI* và *LẠI*

Hình trên có nghĩa là: trong tâm trí

người Việt, ‘*lại*’ đối lập với ‘*đi*’. Chúng chuyển động theo hai hướng ngược nhau. **Đi** theo hướng dời khỏi gốc. **Lại** theo hướng trở lại gốc. Sự đối lập này hiện ra trong cách nói ‘mang đi và bỏ lại’, ‘Người ra đi đầu không ngoảnh *lại*...’ (thơ Nguyễn Đình Thi). Có ra đi mới có sự trở lại. Hơn nữa, *đi* là một chuyển động có mục đích. Bởi lẽ từ thuở nguyên thủy, con người luôn luôn phải đi tìm cái ăn và chống chọi với thiên nhiên hoang dã để tồn tại, nên không có chuyện rong chơi đi lang thang vô mục đích; ‘Ta đi lang thang quên ngày tháng quên trần gian...’ (bài hát *Rong chơi cuối trời quên lãng*). Khái quát hơn nữa, nghĩa gốc của *đi* và *lại* được thể hiện thành lược đồ nghĩa của chúng như Hình 2.



Hình 2. Lược đồ nghĩa của *ĐI* và *LẠI*

Với lược đồ nghĩa trên chúng ta giải thích dễ dàng được sự chuyển nghĩa của chúng thành những nghĩa khác nhau như đã ghi trong [7]. Dưới đây là nghĩa của *LẠI*:

Đi là dời khỏi gốc xuất phát, *lại* là trở về gốc/mốc đã ra đi. Trở lại một vị trí đã xuất phát là lặp lại vị trí đó. Do vậy, từ *lại* có một tiền giả định khái quát là tồn tại một xuất phát điểm - một gốc - nào đó khi nói năng. Người nói luôn luôn xác định một điểm nhìn, thường lấy mình làm gốc nhưng cũng có thể lấy một điểm nào đó làm mốc định vị. Lấy mình làm mốc, người mẹ nói ‘*Lại* đây với mẹ’. Lấy nhà người bạn làm mốc khi nói ‘Mai tôi sẽ *lại* anh chơi’. Câu dưới đây có tới hai mốc: Anh *lại* quán cà phê trường mình đợi tôi nhé, tôi có việc *lại* đăng này một lát.

3. Giả thuyết về hiện tượng chuyển nghĩa

Không gian hình học ánh xạ vào thời gian và những không gian xã hội khác. Chúng ta nhận thức được những thuộc tính thời gian, những thuộc tính trong tự nhiên và xã hội trên cơ sở những thuộc tính trong quan hệ không gian hình học. Cụ thể là:

a) Từ quan hệ không gian hình học ánh xạ vào những không gian trừu tượng khác được nhận thức như là những không gian hình học. Đó là những tập hợp và những quan hệ thời gian.

b) Những sự kiện trong tự nhiên và xã hội được nhận thức là những không gian hình học. Nghĩa là:

b1) Những thuộc tính trừu tượng, khái quát được ánh xạ từ những tính chất của các quan hệ không gian hình học.

b2) Những hành động và sự kiện được nhận thức là những thuộc tính của một không gian tương ứng thích hợp.

4. Từ nghĩa gốc chuyển thành những nghĩa khác

4.1. Trở lại một vị trí từ đó đã ra đi là lặp lại vị trí đó. Do vậy: từ lại trở sự lặp lại một vị trí

lại → **lại₁** (ký hiệu ‘→’ trở sự chuyển nghĩa, **lại_n** là sự chuyển nghĩa lần thứ n của lại). Ví dụ:

(1) Trong chuyến đi chơi ở Trà Cổ năm 2019. Tôi đã ở lại đó 5 ngày.

(2) Trong chuyến đi chơi ở Trà Cổ năm tới. Tôi sẽ ở lại đó 5 ngày.

Trong (2) tôi chưa đi Trà Cổ nên đó là một câu phi thực. Nhưng tôi đã tạo ra một không gian ‘Trà Cổ’ phi thực và tôi đã đến đó tức là tôi đã ở đó và dự định ‘Tôi sẽ ở lại đó 5 ngày’. Khái quát: các tổ hợp ‘lại + X’ và ‘X + lại’ có tiền giả định ‘đã xảy ra X’, dù X là hiện thực hay phi thực.

Thực hiện một hành động theo hướng thuận, rồi thực hiện hành động đó theo hướng ngược, cứ vậy sẽ tạo ra ý nghĩa hành động lặp lại nhiều lần: ra đi rồi trở lại biểu trưng vòng tuần hoàn. Do vậy, lại kết hợp với đi tạo ra sự tái diễn nhiều lần của một hành động, một hiện tượng. Đó là ‘Ông làm đi làm lại mãi suốt buổi chiều mà vẫn không xong’; ‘Trên đường rất nhiều người đi lại’; ‘Ông cụ sốt ruột đi đi lại lại’;... Trong quyển *Logich vui* [8] có đoạn một ông bố đi ăn giỗ được chủ nhà gửi nắm xôi mang về cho con. Nửa đường đói bụng, ông ta quyết định ăn nắm xôi đó với ngụ ý biện theo phép tam đoạn luận: ‘Con mình do vợ đẻ ra/ Vợ mình con của người ta/ Suy đi nghĩ lại chẳng bà con chi/ Không ăn thì để làm gì!’.

4.2. Sự kiện và thuộc tính của sự kiện được ánh xạ từ KHÔNG GIAN và những quan hệ tương ứng; lặp lại vị trí là lặp lại hành động, sự kiện, hay thuộc tính (theo phần 3.b2) nên:

Lại₁ → **lại₂**: từ lại trở sự lặp lại hành động, sự kiện, hay thuộc tính. Do vậy thành sự phù hợp.

‘Trâu bò là loài nhai lại’. ‘Ngày mai trời lại sáng’. ‘Trời lại mưa’. ‘Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng để lấy lại lòng chủ nó’ (Lão Hạc). Trong *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương có câu ‘Ngán nỗi xuân đi xuân lại₁ lại₂ [/Mảnh tình san sẻ tí con con]’. Trong câu trên lại₁ là nghĩa phái sinh trở một chuyển động ngược, còn lại₂ là nghĩa gốc mùa xuân lặp lại.

Lặp lại hành động, sự kiện, hay thuộc tính được nhận thức là tạo ra những hành động, sự kiện, hay thuộc tính giống nhau. Rộng hơn nữa là sự phù hợp. Do vậy, ‘lại’ được chuyển nghĩa mới thành sự phù hợp. Trong một phóng sự, Ngô Tất Tố viết ‘Hai ông ấy đã làm nghề tri huyện lại kiêm cả nghề đào mỏ, chẳng qua cũng muốn vinh

thân như mọi người'. Thế là nghề tri huyện và nghề 'đào mỏ' (lấy vợ con nhà giàu) phù hợp nhau về mục đích vinh thân.

4.3. *Lại₁ → lại₃: Trở về trạng thái ban đầu*

Chuyển động về điểm gốc là trở về nơi xuất phát, trở về trạng thái ban đầu. Từ '*lại*' được cấp một nghĩa mới: trở về trạng thái ban đầu. Giống lúa lai tạo, sau vài thế hệ trở lại như xưa, đó là '*lại giống*'. Một người qua cơn bạo bệnh sức khỏe trở lại như xưa, ấy là đã '*lại người*', '*lại sức*', '*khỏe lại*'. Do vậy, chúng ta bỏ đi được hàng loạt mục từ '*lại + X*' ghi trong [7]: *lại gạo, lại người, lại giống, lại sức, lại hồn,...* Những tổ hợp từ này sẽ chỉ còn là những ví dụ minh họa cùng bậc với *trở lại, khỏe lại, lấy lại tinh thần, tìm lại họ hàng,...*

'Ông/Bà *lại* nhà ạ!' là lời nói khi tiễn khách trở lại nhà mình, nơi từ đó đã ra đi. Người miền Bắc đặt sinh lễ cưới trong những quả sơn son thiếp vàng mang đến nhà gái. Sau lễ cưới, nhà gái đưa lại nhà trai một phần nhỏ lễ vật đó. Phần lễ vật này đã trở về nơi xuất phát nên thành cách nói '*lại quả*'. Ngày nay, trong các hợp đồng đầu thầu làm ăn kinh tế, cách nói '*lại quả*' trở thành một ẩn dụ cho bên mời thầu hưởng lợi nhờ bên trúng thầu trả lại một phần lợi ích (thường bằng tiền bạc) cho bên cung cấp hợp đồng. '*Lại hôn*' là gì nếu không phải là từ bỏ việc hôn nhân đã đính ước để trở về trạng thái ban đầu? Sau Tết, nói 'bánh chưng bị *lại gạo*' là nói bánh chưng để một thời gian dài trở nên khô cứng như lúc gạo còn sống. Rồi những cách nói *tĩnh lại, nhớ lại và suy nghĩ*, '*Cô hồi tưởng lại ba xuân trước, (Trên bến cùng ai đã nặng nề.)*' (*Cô lái đò*, Nguyễn Bính), '*Nước Mỹ trở lại của ông Biden*' (tên bài trên báo Tuổi Trẻ, 29.11.2020) cũng đều được hiểu là trở lại trạng thái đã có như trước kia.

4.4. *Lại → lại₄: những hành động ngược đời, lạ lùng*

Có ra đi thì mới có trở lại nên chuyển

động '*đi*' là *thuận* xảy ra trước còn chuyển động '*lại*' xảy ra sau *ngược* chiều với '*đi*'. Ấy vậy là '*lại*' có thêm nghĩa hành động phản xạ, phản ứng lại, đáp trả: hòn đất ném đi hòn chì quăng *lại*, mắng *lại*, nhạo *lại*, văng *lại*, thối *lại* tiền, trái banh bật *lại*, cãi *lại*, phê phán *lại*, đánh *lại*, bắn *lại*,... Có đưa đi và có đáp trả là có quan hệ song phẳng. 'Ở đời này bánh ú trao đi bánh chì trao *lại*, có ai cho không ai bao giờ đâu! 'Có đi có *lại* cho toại lòng nhau'.

Cũng từ đây '*lại*' được thêm nghĩa mới trở những hiện tượng lạ lùng, ngược đời. Lẽ thường càng uống càng say nhưng Chí Phèo không vậy, hần ta tức vì chuyện ngược đời này. 'Nhưng tức quá, càng uống *lại* càng tỉnh ra' (Nam Cao, *Chí Phèo*). Ra đến bìa rừng, ánh trăng lóe lên, anh lính lái xe đường Trường Sơn tưởng là pháo sáng nên ngạc nhiên: 'Không nghe tiếng máy bay *sao lại* có pháo sáng!' (Nguyễn Minh Châu, *Mảnh trăng cuối rừng*).

4.5. *Lại → lại₅: thu hẹp không gian, sự tập trung*

Trở về gốc là vận động hướng tâm, khoảng cách không gian được rút ngắn, thể tích thu nhỏ lại. Thế là '*lại*' có thêm một nghĩa mới: sự tập trung

Tất cả những hành động cụ thể và trừu tượng nào được nhìn nhận là hướng tâm, tập trung hay thu hẹp khoảng cách và không gian đều kết hợp được với từ *lại* để biểu thị nghĩa này. Chẳng hạn như: *vun rác lại, gấp vở lại, khoanh tay lại, khép chân lại, nheo mắt lại, mắt riu lại, nhỏ lại, ngắn lại, hẹp lại, co lại, co cụm lại, người tóp lại, má hóp lại, teo lại, tùm tùm lại, dùm lại, choắt lại, quắt lại, góp lại, bột quánh lại, liên hiệp lại, đoàn kết lại,...* đều là thu nhỏ không gian. Vì vậy có thể dùng từ *lại* đứng sau những chuyển động hoặc hành động nào được nhận thức là hướng tâm, tập trung, làm không gian, thể tích của

đối tượng thu nhỏ lại: *gom lại, dồn cục lại, tập hợp lại, xúm lại, dúm lại, chắt đóng lại, vun lại, thót bụng lại, thu mình lại, nhắm mắt lại, trói lại, gói lại, cuộn lại, gấp lại, nước mưa đọng lại, đặc lại, đường cô lại, mọng khít lại,...* Chúng ta dùng ‘*nói tóm lại*’ để tóm tắt một vấn đề cho gọn lại. Có thể chỉ bằng một câu là ‘*tóm vấn đề được lại rồi*’. Khi bàn thảo những chuyện phức tạp, cuối cùng chủ tịch hội nghị kết luận ‘*vấn đề được gút lại như sau...*’

Khi phân tích sự tuyệt hay trong bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương [Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi/Này của Xuân Hương đã quệt rồi/ Có phải duyên nhau thì thăm lại/ Đùng xanh như lá bạc như vôi] hầu như người ta đều dựa vào *nội dung* huyền sử dân gian trầu cau từ thời Hùng Vương để bình, những lời bình không dựa trên cơ sở ngôn ngữ học. Chưa thấy ai bình giảng về giá trị của từ ‘*lại*’, một từ không thay được bằng bất kỳ từ nào khác mà không làm mất đi ý tứ cốt lõi của câu thơ. Trong sơ đồ hình ảnh của chúng ta: trở lại gốc là chuyển động hướng tâm, tập trung, khoảng cách ngắn lại, không gian thu nhỏ lại. Trong miếng trầu có cau trắng, vôi bạc, lá trầu xanh ban đầu là những đối tượng rời nhau với những màu riêng rẽ ấy. Khi thành duyên, chúng *gắn kết* với nhau. Chính nét nghĩa sự hướng tâm, sự tập trung, khoảng cách bị thu nhỏ của từ ‘*lại*’ làm cho ‘*thăm lại*’ có nghĩa là hai đối tượng hướng đến nhau không còn khoảng cách mà quện chặt gắn kết nhau biểu trưng cho sắc thắm tình yêu thủy chung, son sắt. Người mời trầu trao gửi niềm mong ước gắn bó, hòa quện, quần quýt, đôi lứa không tách rời nhau.

5. Những lược đồ nghĩa với từ *LAI*

Một cấu trúc chỉ chứa những yếu tố trống nghĩa và những từ hư sẽ gọi là một CTTT (cấu trúc trầu tượng) [5, tr.10]. Trong [5] chúng tôi đã chứng minh rằng từ

hư là những tác tử tạo nghĩa. Chúng tạo ra những lược đồ CTTT độc lập với ngữ cảnh làm thành những lược đồ nghĩa. Tiếng Việt có nhiều lược đồ nghĩa. Chỉ đề cập tới những lược đồ nghĩa chứa từ *LAI* chúng ta có:

5.1. Những hành vi ngôn ngữ

‘**X mà lại**’: một hành vi giải thích

Đây là một lược đồ người nói dùng để giải thích cho một điều đã nêu trước đó. Lưu ý: Ở phương ngữ Nam Bộ, hành vi này có thể lược bỏ từ ‘*lại*’. Ví dụ: ‘Cái Huyền được giải nhất Anh văn đấy./-Má nó dạy tiếng Anh mà (*lại*)’.

‘**X lại!**’: một mệnh lệnh

Do *lại* là chuyển động trở lại gốc nên có sự chuyển nghĩa thành *lại₃* ‘trở về trạng thái ban đầu’ nên *lại* được dùng để ngôn từ hóa hành vi mệnh lệnh ‘không tiếp tục thực hiện X’ thành cấu trúc ‘**X lại!**’ như: *Ngừng lại! Dừng xe lại! Đứng lại! Chạy chậm lại! Gấp sách lại! Lùi lại! Đóng cửa lại!...* Như vậy điều kiện cần để ‘**X lại**’ trở thành một hành vi mệnh lệnh ‘không tiếp tục thực hiện một hành động nào đó’ là có tiền giả định ‘*X đang ở trạng thái hoạt động*’ và mệnh lệnh này yêu cầu chuyển X trở lại trạng thái tĩnh lúc ban đầu.

‘**Vả lại X**’, ‘**Đã A mà lại X**’: một hành vi bổ sung lý lẽ X

‘*Đã xinh mà lại thêm thom nữa*’(Trương Vĩnh Ký, *Hang Từ Thức*) (và *lại* → *mà lại*), ‘*Con nhà nghèo, mà lại mồ côi cha, thì phải rách rưới như vậy chớ sao em*’ (Hồ Biểu Chánh, *Lời thề trước miếu*).

‘**X gì mà (lại) Y (thế/vậy)**’: hành vi đánh giá thấp X

Dù không biết nội dung cụ thể của X và Y nhưng cấu trúc trên là câu chất vấn để tạo ra một hành vi đánh giá ‘*đối tượng này không xứng đáng là X*’. Lược đồ nghĩa của nó như sau: Theo quan điểm người nói ‘*đối*

tượng này không xứng đáng là X’.

Cơ sở lôgic cho sự hình thành hàm ý này là cơ chế ‘chất vấn quan hệ nghịch nhân quả nhằm để bác bỏ’ [4].

Có sự kiện X. Lẽ thường, từ X sẽ dẫn tới sự kiện *không* Y. Nhưng một thực tế trái ngược là đã xảy ra sự kiện Y nên không thể bác bỏ Y được. Kết quả là cấu trúc này biểu thị một điều ngược đời. Trong cấu trúc trên từ ‘*mà*’ trở quan hệ nghịch nhân quả, còn từ ‘*lại*’ cũng biểu thị những hiện tượng ngược đời. ‘Nếu trong một câu có nhiều từ định hướng nghĩa thì các định hướng nghĩa đó không trái ngược nhau’ [1]. Do vậy, hai từ ‘*mà*’ và ‘*lại*’ có nét nghĩa phù hợp. Ấy thế là cấu trúc ‘X *mà* *lại* Y’ cũng có thể biểu thị một kết quả ngược đời. Và người nói dùng từ *mà* và từ *lại* để liên kết X và Y trong câu chất vấn ‘X gì *mà* *lại* Y (thế [vậy])’. ‘X gì’ là một câu chất vấn về X nhằm bác bỏ X. Nhưng đã là X trong thực tế, không thể bác bỏ được nên ‘X gì’ chỉ có thể là lời đánh giá ‘không xứng đáng là X’ mà thôi. Thay X, Y bằng những từ ngữ cụ thể, chúng ta sẽ được những câu có hàm ý tương ứng. Chẳng hạn, câu ‘Người mẫu *gì mà* chân vòng kiềng’ sẽ là hành vi đánh giá chê ‘Người này không xứng đáng là người mẫu’. Câu ‘Phó Giáo sư *gì mà* cả mấy chục năm không có nổi một bài báo nào ra hồn’ sẽ là hành vi đánh giá chê ‘Người này không xứng đáng là Phó Giáo sư’. Khi yêu say đắm ta sẽ làm tất cả những gì người yêu ước muốn. Nhưng tay bỏ lại ki bo. Vậy là ngược đời, không bình thường nên cô gái chê bỏ: ‘Yêu *gì mà* *lại* ki bo thế!’ Vậy không thể gọi là yêu được.

Trong lược đồ trên, nếu lược bớt một trong hai từ ‘*mà*’ hoặc ‘*lại*’ hành vi của lược đồ vẫn vậy. Hai câu ‘X *gì mà* Y thế’, ‘X *gì lại* Y thế’ đều có hành vi chê ‘đôi tượng này không đáng là X’.

Trong [5] đã lưu ý: ở cấu trúc trên, nếu cuối câu đặt dấu hỏi thì nó là câu hỏi thực sự.

Như ‘*Ăn oán cá nhân gì mà lại* hành hạ nhau như thế?’ (phim VTV3: *Anh chẳng muốn xa em*); ‘*Chuyện gì mà lại* không gặp nhau thế?’ (*Thay lời muốn nói*, HTV, 4.2012).

5.2. Những lý lẽ bổ sung trong lập luận

Do ‘*lại*’ có nghĩa sự phù hợp về mục đích, kết quả hay tính chất (phần 4.2.) và do hai từ *và*, *nhỉa* cũng được dùng để kết nối những từ có nghĩa phù hợp nhau. Thế là xuất hiện những cấu trúc cú pháp vừa có từ *lại* vừa có *và/nhỉa* thể hiện hai đối tượng có nghĩa phù hợp nhau. Sự phù hợp này thể hiện ngầm ẩn trong nhiều kết hợp ngữ pháp: cứ gặp những câu chứa những cấu trúc như ‘X *vả lại* Y’ (tôi cho rằng trong cấu trúc ‘X *và lại* Y’, từ ‘*và*’ đã biến âm thành từ ‘*vả*’ nên cấu trúc này thành ‘X *vả lại* Y’); ‘X *lại* Y *nhỉa*’, ‘*Đã* X *lại* Y’ là chúng ta biết chắc rằng X và Y là những lý lẽ phù hợp nhau theo một cách nào đó. ‘Khuya rồi, *vả lại* anh đang mệt, nên đi ngủ thì hơn’; ‘Con bé ấy rất nét na *lại* thông minh *nhỉa*’; ‘*Đã* rẻ *lại* tốt *nhỉa*’. ‘Họ tổ chức khoa học, *vả lại* tiềm lực lớn nên thành công là đương nhiên’ nghe xuôi. Nhưng câu ‘Họ tổ chức khoa học, *vả lại* *đã cạn vốn nên thành công là đương nhiên’ nghe không xuôi vì ‘tổ chức khoa học’ và ‘đã cạn vốn’ không là những tiêu chí phù hợp nhau cho đường làm ăn thành công.

5.3. Chất vấn những điều ngược đời để bác bỏ

Tiếng Việt dùng hàng loạt khuôn mẫu ngữ pháp trêu tượng liên quan tới từ ‘*lại*’ theo nghĩa ‘*lại*₄’ nói lên hàm ý về điều ngược đời.

– Anh Bách, *sao lại* ngồi đây?

– *Sao lại* không ngồi đây?’ (Kịch *Nửa cõi nhân gian*, VTV1, 05.3.2021).

Người hỏi Bách cho rằng ‘anh ngồi đây’ là một điều bất thường làm tôi ngạc nhiên, lẽ ra anh không nên ngồi đây nên tôi chất vấn. Bách đáp lại tôi ngồi đây là một điều bình thường, có gì đáng ngạc nhiên mà chất vấn tôi nên tôi chất vấn lại.

‘Sao’ là câu chất vấn về lý do. Do ‘*lại*₄’ có nghĩa *ngược* nên chất vấn một điều X ngược đời sẽ dẫn tới nghĩa ‘lẽ ra là không X’.

Thường thì, những gì ngược với sự nhìn nhận của mình là người ta nghi ngờ, thắc mắc nên chất vấn và dẫn tới *bác bỏ*. Ấy thế là trong tiếng Việt có những hành vi chất vấn - bác bỏ. Lược đồ ‘**Chả lẽ X lại a!**’ đã chất vấn tường minh điều ngược đời ‘X lại a’ để có hàm ý khẳng định X thì không a. Trong hai lược đồ ‘**Sao lại X!**’, ‘**Không X sao lại Y?**’ từ ‘sao’ chất vấn điều ngược đời để bác bỏ X.

Câu chất vấn ‘Sao tôi *lại* không biết!’ có hàm ý tôi biết. Còn ‘Sao *lại* không nói điều đó!’ là câu chất vấn - bác bỏ dẫn tới hàm ý lẽ ra cần nói điều đó. Ngược lại ‘Sao *lại* nói điều đó!’ là câu chất vấn có hàm ý lẽ ra không nên nói điều đó. Hay ‘Sao cô *lại* tin những điều rao giảng ấy!’ là câu chất vấn - bác bỏ dẫn tới hàm ý đừng có tin những lời rao giảng ấy. Tương tự là những câu ‘Anh Viện không giúp người nhà mình *chả lẽ lại* đi giúp người ngoài à?’ (phim VTV3, *Chủ tịch tỉnh*, tập 32); ‘Thưa cậu thế *chẳng nhẽ* làm cái thằng con giai *mà lại* không có vợ’ (Nam Cao, *Sống mòn*).

Hai từ *nhưng*, *mà* cũng thể hiện sự đối lập nên phù hợp với *lại*. Từ đó hình thành những lược đồ cấu trúc thể hiện sự so sánh đối lập về nghĩa:

(I) **X thì A (nhưng) (mà) Y lại B**

(II) **X thì A còn Y lại B**

Nghĩa của A và B trong hai lược đồ I và II luôn luôn đối lập nhau. Nếu A có nghĩa thuận lợi thì B có nghĩa bất lợi và ngược lại. Trong tâm trí, người Việt luôn cảm nhận được những điều gì là thuận lợi, những điều gì là bất lợi. Chẳng hạn A = *ngon, ngon lành, tử tế, xinh đẹp, hiền lành, vui vẻ,...* là thuận lợi, đối lập với B = *chua, chua cay, xấu xa, tối tăm, độc ác, dữ tợn,...* là bất lợi. Chúng ta dễ dàng gặp hàng loạt những câu theo hai lược

đồ trên: ‘Bề ngoài [*thì*] thon thót nói cười, *mà* trong [*thì lại*] nham hiểm giết người không dao’ (*Truyện Kiều*); Ông bố *thì* cao ráo *vậy mà* cô con gái trông *lại* Thị Nở quá; Quả này trông *thì* ngon *nhưng* ăn *lại* chua; Cô chị [*thì*] hiền thế, *còn* thằng em *lại* hay gây gổ với người khác. Trong một truyện ngắn, Nguyễn Ngọc Tư viết: ‘...Con tao *mà lại* thế à?’. Câu này có hàm ý: con tao không như thế; đây không phải là hành động của con tao; các người có thể nhầm lẫn ai đó với con tao. ‘Tôi mù nhưng tôi biết đi con đường sáng, *còn* người sáng *lại* đi con đường mù’ (*Tiếng Việt*, lớp 4); ‘Viết chữ Quốc ngữ sai *và lại* cứ hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên’ (Nam Cao, *Đôi mắt*).

Tiếng Việt lý thú vì có những hiện tượng từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp mới nhìn tưởng như vô cùng phức tạp, đến nỗi ‘phong ba bão táp không bằng ngữ pháp Việt Nam’, nhưng nhìn kỹ thì có thể giải thích được bằng quy luật nhận thức (cognition) đơn giản mà tinh tế về nghĩa và những hiện tượng chuyển nghĩa trong tâm trí người Việt ở một số từ cơ bản và từ hư, trong số này có *LẠI*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Dân, “Ngữ nghĩa các từ hư: Định hướng nghĩa của từ”, *Ngôn ngữ*, số 2, 1984.
- [2] Nguyễn Đức Dân, *Lôgic và tiếng Việt*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1996.
- [3] Nguyễn Đức Dân, “Con đường chuyển nghĩa của từ cơ bản: trường hợp của LẠI”, *Ngôn ngữ*, số 11, tr.9-14, 2010.
- [4] Nguyễn Đức Dân, *Logic - Ngữ nghĩa từ hư tiếng Việt*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2016.
- [5] Nguyễn Đức Dân, “Từ hư: tác từ tạo nghĩa trong tiếng Việt”, *Ngôn ngữ*, số 7, tr.3-16, 2017.
- [6] Nguyễn Đức Dân, Trần Thị Minh Thu, “Không gian tâm trí trong ngôn ngữ học nhận thức”, *Ngôn ngữ*, số 5, tr.3-17, 2021.
- [7] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học - Ủy ban Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
- [8] Nguyễn Văn Trán, *Logic vui*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.